

Số: 2138 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 8 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 3072/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 471/TTr-SNNMT ngày 07 tháng 8 năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này là 01 thủ tục hành chính và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông

ng nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai (*Phụ lục Danh mục TTHC và quy trình điện tử giải quyết TTHC kèm theo*), cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung các nội dung của mã thủ tục 1.014776 quy định tại Quyết định 522/QĐ-UBND ngày 05/2/2026 của UBND thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định 531/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các nội dung khác tại Quyết định 522/QĐ-UBND ngày 05/2/2026 của UBND thành phố ban hành vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý. Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 hết hiệu lực thi hành.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện:**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với đơn vị liên quan rà soát, đảm bảo thực hiện đúng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được cơ quan có thẩm quyền công bố, triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện cập nhật, cấu hình quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố được kết nối, đồng bộ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tra cứu, khai thác, theo dõi, thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp)
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN, HCC.(Diệp)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hoàng**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO**  
**VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI**  
**TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

*(Kèm theo Quyết định số 2138 /QĐ-UBND ngày 10/8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

| ST<br>T | Mã<br>TTHC                                    | Tên thủ<br>tục hành<br>chính                                       | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm thực<br>hiện                                                                                     | Cơ quan thực<br>hiện                                                                                                                                    | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A       | <b>CẤP XÃ</b>                                 |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                           |                                                                                                                                                         |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| I       | <b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT</b> |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                           |                                                                                                                                                         |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1       | 1.014776                                      | Cấp, cấp<br>lại mã số<br>vùng<br>trồng, mã<br>số cơ sở<br>đóng gói | <div>- Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói không đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số: trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Thông báo cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói</div> <div>- Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số : trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra và ban hành Thông báo cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói</div> <div>- Đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói</div> | <div>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng đến Ủy ban nhân dân cấp xã</div> | <div>- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã</div> <div>- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã</div> | Không          | <div>- Điều 64 Luật Trồng trọt năm 2018.</div> <div>- Điều 15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.</div> <div>- Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.</div> <div>- Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ.</div> <div>- Quyết định số 3072/QĐ-</div> | <div>Nội dung được thực hiện theo Quyết định 3072/QĐ-BNNMT ngày 04/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</div> <div>Hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/7/2026.</div> <div>(Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung về nội dung và thẩm quyền giải quyết, theo đó chuyển thẩm quyền giải quyết từ cấp tỉnh về cấp xã)</div> |

| ST<br>T | Mã<br>TTHC | Tên thủ<br>tục hành<br>chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực<br>hiện | Cơ quan thực<br>hiện | Phí, lệ<br>phí | Căn cứ pháp lý                                                  | Ghi chú |
|---------|------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------|---------|
|         |            |                              | hoặc do thay đổi địa giới hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đơn đề nghị cấp lại của tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào hồ sơ lưu trữ, xem xét và thông báo cho tổ chức, cá nhân |                       |                      |                | BNNMT ngày 04/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường |         |

*Lưu ý: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi bổ sung trong quy định của thủ tục*

## PHỤ LỤC II

### QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 2138 /QĐ-UBND ngày 10 /8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

#### PHẦN I. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| Bước thực hiện                                                                                                                                                | TRÌNH TỰ THỰC HIỆN                                            | ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                                                                                                     | THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC | PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ) | GHI CHÚ                                                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A. CẤP XÃ</b>                                                                                                                                              |                                                               |                                                                                                                                                                                                            |                           |                   |                                                                                                       |
| <b>I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT</b>                                                                                                              |                                                               |                                                                                                                                                                                                            |                           |                   |                                                                                                       |
| <b>1. Thủ tục hành chính: Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, mã TTHC: 1.014776, Một phần</b>                                                |                                                               |                                                                                                                                                                                                            |                           |                   |                                                                                                       |
| <b>1.1.</b> Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói không đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số |                                                               |                                                                                                                                                                                                            |                           |                   |                                                                                                       |
| Bước 1                                                                                                                                                        | Tiếp nhận hồ sơ                                               | - Nộp hồ sơ trực tiếp đến bộ phận 1 cửa Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã<br>- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a> | 0,25 ngày làm việc        | Không quy định    | Nội dung được thực hiện theo Quyết định 3072/QĐ-BNNMT ngày 04/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| Bước 2                                                                                                                                                        | Phân công xử lý hồ sơ                                         | Lãnh đạo phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng và đô thị cấp xã                                                                                                                                                   | 0,5 ngày làm việc         |                   |                                                                                                       |
| Bước 3                                                                                                                                                        | Xử lý hồ sơ                                                   | Chuyên viên phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng và đô thị cấp xã                                                                                                                                                | 1,5 ngày làm việc         |                   |                                                                                                       |
| Bước 4                                                                                                                                                        | Ban hành Thông báo cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã                                                                                                                                                                            | 0,5 ngày làm việc         |                   |                                                                                                       |

| Bước thực hiện                                                                                                                                                                                                                       | TRÌNH TỰ THỰC HIỆN                                            | ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC                                                                                                                                                                                     | THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC | PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ) | GHI CHÚ                                                                                               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 5                                                                                                                                                                                                                               | Trả kết quả                                                   | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã                                                                                                                                                                   | 0,25 ngày làm việc        |                   |                                                                                                       |
| Tổng cộng thời gian giải quyết                                                                                                                                                                                                       |                                                               |                                                                                                                                                                                                            | 3 ngày làm việc           |                   |                                                                                                       |
| 1.2. Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói đăng ký xuất khẩu đến thị trường có yêu cầu về mã số hoặc vùng trồng, cơ sở đóng gói đã được cấp mã số muốn bổ sung thị trường xuất khẩu |                                                               |                                                                                                                                                                                                            |                           |                   |                                                                                                       |
| Bước 1                                                                                                                                                                                                                               | Tiếp nhận hồ sơ                                               | - Nộp hồ sơ trực tiếp đến bộ phận 1 cửa Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã<br>- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a> | 0,5 ngày làm việc         | Không quy định    | Nội dung được thực hiện theo Quyết định 3072/QĐ-BNNMT ngày 04/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| Bước 2                                                                                                                                                                                                                               | Phân công xử lý hồ sơ                                         | Lãnh đạo phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng và đô thị cấp xã                                                                                                                                                   | 0,25 ngày làm việc        |                   |                                                                                                       |
| Bước 3                                                                                                                                                                                                                               | Xử lý hồ sơ                                                   | Chuyên viên phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng và đô thị cấp xã                                                                                                                                                | 8 ngày làm việc           |                   |                                                                                                       |
| Bước 4                                                                                                                                                                                                                               | Ban hành Thông báo cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã                                                                                                                                                                            | 1 ngày làm việc           |                   |                                                                                                       |
| Bước 5                                                                                                                                                                                                                               | Trả kết quả                                                   | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã                                                                                                                                                                   | 0,25 ngày làm việc        |                   |                                                                                                       |
| Tổng cộng thời gian giải quyết                                                                                                                                                                                                       |                                                               |                                                                                                                                                                                                            | 10 ngày làm việc          |                   |                                                                                                       |
| 1.3. Đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hoặc do thay đổi địa giới hành chính                                                                   |                                                               |                                                                                                                                                                                                            |                           |                   |                                                                                                       |
| Bước 1                                                                                                                                                                                                                               | Tiếp nhận hồ sơ                                               | - Nộp hồ sơ trực tiếp đến bộ phận 1 cửa Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã<br>- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a> | 0,25 ngày làm việc        | Không quy định    | Nội dung được thực hiện theo Quyết định 3072/QĐ-                                                      |

| <b>Bước thực hiện</b>                 | <b>TRÌNH TỰ THỰC HIỆN</b>                                     | <b>ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC</b>                               | <b>THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC</b> | <b>PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)</b> | <b>GHI CHÚ</b>                                        |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|
| Bước 2                                | Phân công xử lý hồ sơ                                         | Lãnh đạo phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng và đô thị cấp xã    | 0,25 ngày làm việc               |                          | BNNMT ngày 04/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| Bước 3                                | Xử lý hồ sơ                                                   | Chuyên viên phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng và đô thị cấp xã | 01 ngày làm việc                 |                          |                                                       |
| Bước 4                                | Ban hành Thông báo cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã                             | 0,25 ngày làm việc               |                          |                                                       |
| Bước 5                                | Trả kết quả                                                   | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã                    | 0,25 ngày làm việc               |                          |                                                       |
| <b>Tổng cộng thời gian giải quyết</b> |                                                               |                                                             | <b>2 ngày làm việc</b>           |                          |                                                       |